

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 67/2026/DS-ST
Ngày: 21/4/2026
V/v tranh chấp **Hợp đồng vay**
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Lâm Sơn;
- Ông Tô Ngọc Liêm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Tiểu Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – **Kiểm sát viên.**

Ngày 21 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 400/2026/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2026, về tranh chấp **“Hợp đồng vay tài sản”**, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2026/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 118/TA-DS, ngày 27 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Huỳnh Anh T, sinh ngày 20/11/2001; CCCD: 089301018364; địa chỉ: số D, tổ A, ấp B, xã B, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Huỳnh Anh T: Bà Huỳnh Thị K, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp B, xã B, tỉnh An Giang, là đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền được công chứng tại Trung tâm phục vụ hành chính công Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Tháp ngày 24/10/2025) (có mặt);

2. Bị đơn:

2.1. Ông Võ Văn Nhân E, sinh năm 1971; CCCD: 089071003139; địa chỉ: ấp K, xã C, tỉnh An Giang (vắng mặt);

2.2. Bà **Nguyễn Thị Bích T1**, sinh năm 1977; CCCD: 089177003064; địa chỉ: **ấp K, xã C, tỉnh An Giang** (vắng mặt);

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Huỳnh Thị K**, sinh ngày 28/6/1981; CCCD: 089181001284; địa chỉ: **ấp B, xã B, tỉnh An Giang** (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải, Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn bà **Huỳnh Thị K** và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Do có mối quan hệ hàng xóm quen biết, ông **Nhàn E** và bà **T1** liên hệ trực tiếp với bà **K** để vay tiền, vì bà **K** mẹ ruột của **T**. Tuy nhiên nguồn tiền cho vay là của **T**, bà **K** chỉ đại diện **T** giao tiền. Ông **Nhàn E** và bà **T1** biết việc bà **K** đại diện cho bà **T** để cho vay tiền. Vì tên người cho vay trong biên nhận là **Lê Huỳnh Anh T**, phía ông **Nhàn E** và bà **T1** có đọc, thống nhất trước khi ký tên vào biên nhận, cụ thể:

Ngày 10/12/2024, bà **T** cho ông **Nhàn E** và bà **T1** vay số tiền 240.000.000 đồng, mục đích vay vốn tiêu dùng gia đình, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 10/12/2024 đến ngày 10/6/2025, lãi suất 1,6%/tháng. Biên nhận do bà **Huỳnh Thị K** viết, chữ ký và chữ viết họ tên **Nguyễn Thị Bích T1** do bà **T1** tự ký và tự viết họ tên. Cùng ngày 10/12/2024, do bà **T** bận đi làm nên bà **K** đại diện bà **T** giao số tiền mặt 240.000.000 đồng tại nhà ông **Nhàn E** và bà **Bích T1**, thời điểm giao tiền do bà **T1** trực tiếp nhận, không có mặt ông **Nhàn E** vì ông **Nhàn E** đi làm ruộng nhưng ông **Nhàn E** vẫn biết việc vay tiền này. Lý do ông **Nhàn E** biết việc vay tiền, vì khi vay tiền thì cả hai vợ chồng cùng liên lạc điện thoại bà **T** để vay tiền và khi đòi tiền thì bà **T** do đi làm nên bà **K** đại diện cho bà **T** là người trực tiếp liên lạc điện thoại và đến nhà ông **T1**, bà **Nhàn E** đòi tiền. Đến nay ông **Nhàn E** và bà **T1** chưa trả vốn, chỉ trả lãi được 07 tháng (từ ngày 10/01/2025 đến 10/8/2025) số tiền 26.880.000 đồng (trả lãi 3.840.000 đồng/tháng). Việc trả lãi không làm biên nhận.

Bà **K** đại diện cho bà **T** nhiều lần liên lạc bằng điện thoại và đến nhà ông **Nhàn E** và bà **T1** để đòi nợ, tuy nhiên ông **Nhàn E** và bà **T1** có hứa trả nhưng không thực hiện, khoảng hơn 03 tháng nay ông **Nhàn E** và bà **T1** không đóng lãi, không trả vốn. Hiện nay, ông **Nhàn E** và bà **T1** vẫn còn ở địa phương, buôn bán và làm ruộng.

Nay bà **Huỳnh Thị K** xác định yêu cầu Tòa án buộc ông **Võ Văn Nhàn E** và bà **Nguyễn Thị Bích T1** liên đới trả toàn bộ số tiền vay gốc còn nợ là 240.000.000 đồng. Yêu cầu tính lãi suất 1,6%/tháng kể từ ngày 01/9/2025 đến ngày 19/12/2025 là 13.824.000 đồng. Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2025, bà **T** yêu cầu tiếp tục tính lãi 1,6%/tháng trên số tiền 253.824.000 đồng từ ngày

20/12/2025 cho đến khi ông **Nhàn E** và bà **T1** trả xong số nợ trên. Nay, bà **T** tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu tiếp tục tính lãi suất 1,6%/tháng tính trên số vốn gốc 240.000.000 đồng kể từ ngày 20/12/2025 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bà **Huỳnh Thị K** xác định yêu cầu Tòa án buộc ông **Võ Văn Nhân E** và bà **Nguyễn Thị Bích T1** liên đới trả toàn bộ số tiền vay gốc còn nợ là 240.000.000 đồng. Yêu cầu tiếp tục tính lãi suất 1,6%/tháng tính trên số vốn gốc 240.000.000 đồng kể từ ngày 20/12/2025 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Rút lại yêu cầu tính lãi suất 1,6%/tháng kể từ ngày 01/9/2025 đến ngày 19/12/2025 là 13.824.000 đồng.

Bị đơn ông **Võ Văn Nhân E** và bà **Nguyễn Thị Bích T1** đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Ngày 10/12/2024, bà **Lê Huỳnh Anh T**, có cho ông **Võ Văn N** Em và bà **Nguyễn Thị Bích T1** vay số tiền 240.000.000 đồng, mục đích vay vốn tiêu dùng gia đình, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 10/12/2024 đến ngày 10/6/2025, lãi suất 1,6%/tháng, có lập biên nhận do bà **T1** tự ký và tự viết họ tên. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông **Nhàn E**, bà **T1** đã trả lãi được 07 tháng (từ ngày 10/01/2025 đến 10/8/2025) số tiền 26.880.000 đồng (trả lãi 3.840.000 đồng/tháng) và ngưng đến nay. Nay, bà **T** yêu cầu ông **Nhàn E**, bà **T1** trả số tiền vốn 240.000.000 đồng và tính lãi suất 1,6%/tháng kể từ ngày 20/12/2025 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Rút lại yêu cầu tính lãi suất 1,6%/tháng kể từ ngày 01/9/2025 đến ngày 19/12/2025 là 13.824.000 đồng.

Ông **Võ Văn Nhân E** và bà **Nguyễn Thị Bích T1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến.

Xét thấy, căn cứ bà **T** khởi kiện là Biên nhận ngày 10/12/2024, có nội dung: Bà **T1**, ông **Nhàn E** có vay bà **T** 240.000.000 đồng, thời hạn 06 tháng, lãi suất 1,6%/tháng, biên nhận do bà **T1** ký và viết tên, việc xác lập giao dịch giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng, bà **T1** là người trực tiếp vay tiền trong thời kỳ hôn nhân của bà **T1** và ông **Nhàn E**, mục đích vay tiền là để phục vụ cho cuộc sống chung của vợ chồng, ông **Nhàn E** đã được tổng đạt đầy đủ các văn bản tố

tụng nhưng không có ý phản hồi đối với yêu cầu của bà **T** nên việc bà **T** yêu cầu ông **Nhàn E** và bà **T1** cùng liên đới trả 240.000.000 đồng là có cơ sở xem xét.

Về lãi suất, bà **T** yêu cầu tính lãi 1,6%/tháng tương đương 20%/năm là phù hợp Điều 468 Bộ luật Dân sự nên có cơ sở xem xét yêu cầu tính lãi của bà **T**.

Đối với việc bà **T** rút lại yêu cầu tính lãi suất 1,6%/tháng kể từ ngày 01/9/2025 đến ngày 19/12/2025 là 13.824.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của bà **T** nên cần đình chỉ theo Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Huỳnh Anh T**.
- Buộc ông **Võ Văn Nhân E**, bà **Nguyễn Thị Bích T1** trả cho bà **Lê Huỳnh Anh T** số tiền 240.000.000 đồng và tính lãi suất 1,6%/tháng kể từ ngày 20/12/2025 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.
- Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất 1,6%/tháng kể từ ngày 01/9/2025 đến ngày 19/12/2025 là 13.824.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn ông **Võ Văn Nhân E** và bà **Nguyễn Thị Bích T1**. Ông **Nhàn E** và bà **T1** có nơi cư trú **ấp K, xã C, tỉnh An Giang** nên Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Tại đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại Tòa án, Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn tranh chấp số tiền 240.000.000 đồng từ giao dịch vay tiền giữa nguyên đơn bà **Lê Huỳnh Anh T** với bị đơn ông **Võ Văn Nhân E** và bà **Nguyễn Thị Bích T1**. Do vậy, vụ án được xác định là tranh chấp về Hợp đồng dân sự, cụ thể Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Quá trình làm việc và tại phiên Tòa, bị đơn ông **Võ Văn N** Em và bà **Nguyễn Thị Bích T1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông **Nhàn E** và bà **T1** có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa, Người đại diện hợp pháp cho Nguyên đơn **thay đổi nội**

dung yêu cầu khởi kiện, cụ thể: yêu cầu Tòa án buộc ông **Võ Văn Nhân E** và bà **Nguyễn Thị Bích T1** liên đới trả toàn bộ số tiền vay gốc còn nợ là 240.000.000 đồng. Yêu cầu tiếp tục tính lãi suất 1,6%/tháng tính trên số vốn gốc 240.000.000 đồng kể từ ngày 20/12/2025 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Rút lại yêu cầu tính lãi suất 1,6%/tháng kể từ ngày 01/9/2025 đến ngày 19/12/2025 là 13.824.000 đồng. Xét đây là quyền tự định đoạt của đương sự và sự thay đổi nội dung khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử xét chấp nhận thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc Nguyên đơn bà **Lê Huỳnh Anh T** yêu cầu ông **Võ Văn Nhân E** và bà **Nguyễn Thị Bích T1** thực hiện nghĩa vụ trả nợ và triệu tập ông **Nhân E** và bà **T1** tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng ông **Nhân E** và bà **T1** vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà **T**, được xem là ông **Nhân E** và bà **T1** đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, nên Tòa án xem xét, giải quyết vụ việc căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ do Nguyên đơn đưa ra và Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Xét thấy, chứng cứ Nguyên đơn khởi kiện là tờ “Biên nhận” ngày 10/11/2024 theo Nguyên đơn xác định chữ ký và chữ viết họ tên **Nguyễn Thị Bích T1** do bà **T1** tự ký và tự viết họ tên, ông **Nhân E** không ký tên tuy nhiên biết việc vay tiền này. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập ông **Nhân E** và bà **T1** tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng ông **Nhân E** và bà **T1** vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu của khởi kiện của bà **T**. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 có cơ sở xác định các bên đã xác lập Hợp đồng vay tài sản trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên làm phát sinh quyền nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do ông **Nhân E** và bà **T1** vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà **T** khởi kiện yêu cầu ông **Nhân E** và bà **T1** thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Về lãi suất: bà **T** yêu cầu tính lãi suất 1,6%/tháng kể từ ngày 20/12/2025 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, xét yêu cầu này phù hợp quy định pháp luật, nên chấp nhận, cụ thể lãi suất được tính như sau: Từ ngày 20/12/2025 đến ngày 21/4/2026 là 122 ngày x 0,05%/ngày x 240.000.000 đồng = 14.640.000 đồng.

Từ những phân tích trên, có cơ sở buộc ông **Võ Văn Nhân E** và bà **Nguyễn Thị Bích T1** phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà **Lê Huỳnh Anh T** số

tiền vốn vay 240.000.000 đồng, số tiền lãi 14.640.000 đồng, tổng cộng 254.640.000 đồng.

[6] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Huỳnh Thị K**, quá trình giải quyết và tại phiên Tòa bà **K** không có yêu cầu gì, các đương sự khác cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với bà **K**, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Do ông **Nhàn E** và bà **T1** phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà **T** nên phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Huỳnh Anh T** đối với ông **Võ Văn Nhân E** và bà **Nguyễn Thị Bích T1**.

Buộc ông **Võ Văn Nhân E** và bà **Nguyễn Thị Bích T1** phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà **Lê Huỳnh Anh T** số tiền vốn vay 240.000.000 đồng, số tiền lãi 14.640.000 đồng, tổng cộng 254.640.000 (*hai trăm năm mươi bốn triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn*) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Huỳnh Anh T** đối với số tiền lãi 13.824.000 (*mười ba triệu, tám trăm hai mươi bốn nghìn*) đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: 12.732.000 (*mười hai triệu, bảy trăm ba mươi hai nghìn*) đồng, ông **Võ Văn N** Em và bà **Nguyễn Thị Bích T1** phải chịu.

H lại cho bà **Lê Huỳnh Anh T** số tiền tạm ứng án phí 6.346.000 (*sáu triệu, ba trăm bốn mươi sáu nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0012566 ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11-An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

